

MÔ HÌNH GIA ĐÌNH ĐA THẾ HỆ TRONG XÃ HỘI TRUNG QUỐC THỜI CỔ ĐẠI

Lương Văn Huy, Trịnh Thị Ngọc Huyền, Nguyễn Thái Thảo Hiếu
Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai
*Tác giả liên hệ: luongvanhuy@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 18/7/2025
Ngày hoàn thiện: 4/8/2025
Ngày chấp nhận: 22/8/2025
Ngày đăng: 15/9/2025

TỪ KHÓA

Gia đình đa thế hệ;
Tông pháp;
Hiếu đạo;
Nho giáo;
Ổn định xã hội.

TÓM TẮT

Mô hình gia đình đa thế hệ cùng chung sống là nền tảng quan trọng của xã hội Trung Quốc cổ đại, phát triển từ thời Thương - Chu (1600 TCN - 256 TCN) đến thời Thanh (1644-1912). Gia đình lớn gồm nhiều thế hệ cùng sinh sống, gắn kết bởi hệ thống tông pháp, hiếu đạo và kinh tế nông nghiệp.

Thời Thương - Chu, gia đình đóng vai trò trung tâm trong tế lễ tổ tiên và duy trì quyền lực dòng họ. Thời Hán, Nho giáo củng cố mô hình này qua luật pháp và đạo đức, nhấn mạnh hiếu đạo. Thời Đường - Tống, mô hình gia đình gắn liền với thương mại và thủ công nghiệp, giúp tối ưu hóa lao động. Thời Minh - Thanh, tông pháp được nhà nước kiểm soát chặt chẽ, duy trì trật tự xã hội.

Gia đình đa thế hệ giúp ổn định kinh tế, truyền dạy đạo đức, nhưng cũng gặp thách thức như xung đột thế hệ, áp lực tài chính và bất bình đẳng giới. Dù vậy, mô hình này vẫn duy trì ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử Trung Quốc.

THE MULTIGENERATIONAL FAMILY MODEL IN ANCIENT CHINESE SOCIETY

Luong Van Huy, Trinh Thi Ngoc Huyen, Nguyen Thai Thao Hieu
Lac Hong University, 10 Huynh Van Nghe Street, Bui Long Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province
*Corresponding Author: luongvanhuy@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: Jul 18th, 2025
Revised: Aug 4th, 2025
Accepted: Aug 22nd, 2025
Published: Sep 15th, 2025

KEYWORDS

Multigenerational family;
Ancestral laws;
Filial piety;
Confucianism;
Social stability.

ABSTRACT

The multigenerational family model living together was an important foundation of ancient Chinese society, developing from the Shang-Zhou period (1600 BCE - 256 BCE) to the Qing dynasty (1644-1912). A large family, consisting of multiple generations living together, was united by a system of ancestral rites, filial piety, and an agricultural economy.

During the Shang-Zhou period, the family played a central role in ancestor worship and maintaining clan power. In the Han dynasty, Confucianism reinforced this model through laws and ethics, emphasizing filial piety. During the Tang-Song periods, the family model was linked to commerce and handicrafts, helping to optimize labor. In the Ming-Qing periods, ancestral laws were tightly controlled by the state, maintaining social order.

The multigenerational family helped stabilize the economy, impart moral teachings, but also faced challenges such as generational conflicts, financial pressures, and gender inequality. Despite these challenges, this model continued to have a profound influence throughout Chinese history.

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. DẪN LUẬN

Mô hình gia đình đa thế hệ cùng chung sống là một đặc trưng tiêu biểu trong lịch sử xã hội Trung Quốc, phản ánh sự phát triển của cấu trúc gia đình từ thời cổ đại đến cận đại. Hình thức tổ chức này không chỉ gắn bó mật thiết với nền kinh tế nông nghiệp truyền thống, mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ hệ tư tưởng Nho giáo và chế độ tông pháp – hai trụ cột nền tảng của xã hội phong kiến Trung Hoa. Qua các triều đại lớn như Thương, Chu, Hán, Đường, Tống, Minh và Thanh, mô hình gia đình nhiều thế hệ đã không chỉ tồn tại như một đơn vị sinh hoạt cơ bản, mà còn đảm nhận vai trò trung tâm trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, giáo dục và văn hóa tín ngưỡng.

Dưới sự chi phối của tư tưởng hiếu đạo và cấu trúc gia tộc phân cấp, mô hình này góp phần duy trì sự ổn định xã hội, tối ưu hóa nguồn lao động trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời truyền tải và bảo tồn các giá trị đạo đức truyền thống. Tuy vậy, sự phát triển của mô hình gia đình đa thế hệ cũng đối diện với nhiều thách thức như xung đột thế hệ, bất bình đẳng giới và áp lực tài chính – đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi xã hội cuối thời phong kiến. Việc nghiên cứu mô hình này không chỉ góp phần hiểu rõ hơn về vận động lịch sử xã hội Trung Quốc, mà còn giúp soi chiếu những ảnh hưởng của nó đối với giá trị gia đình và tổ chức xã hội đương đại.

Nghiên cứu này vận dụng phương pháp lịch sử – xã hội học kết hợp với phân tích văn bản để khảo sát sự hình thành, đặc điểm và biến đổi của mô hình gia đình đa thế hệ trong tiến trình phát triển của xã hội Trung Quốc. Dữ liệu được lựa chọn từ hai nhóm chính: (1) tư liệu sơ cấp như Giáp cốt văn, Hiếu kinh, Tứ thư, Lễ ký, Hán thư, Đại Minh luật, Thanh luật, các gia huấn (như Gia huấn Chu Tử, Nghiêm thị gia huấn, Gia thư của Tăng Quốc Phiên), gia phả và ghi chép dòng tộc; và (2) tư liệu thứ cấp là các công trình nghiên cứu hiện đại về lịch sử xã hội và gia đình Trung Hoa.

Để đảm bảo tính xác thực, nghiên cứu áp dụng kiểm định dựa trên ba tiêu chí: (i) tính chính thống và phổ quát của nguồn tư liệu, ưu tiên văn bản do triều đình hoặc học giả uy tín biên soạn; (ii) đối chiếu liên văn bản giữa nguồn chính sử và tư liệu dân gian nhằm phát hiện sự tương đồng hoặc dị biệt; và (iii) phân tích nội dung trong bối cảnh lịch sử – xã hội cụ thể của từng thời kỳ, tránh hiện tượng xuyên tạc hoặc áp đặt tiêu chuẩn hiện đại vào tư tưởng cổ truyền.

Thông qua phương pháp tiếp cận đa chiều, bài nghiên cứu không chỉ tái hiện mô hình gia đình đa thế hệ như một thực thể lịch sử đặc thù, mà còn làm rõ vai trò của nó trong tiến trình định hình cấu trúc xã hội truyền thống Trung Quốc, từ đó mở rộng tầm nhìn ứng dụng vào các nghiên cứu gia đình và chính sách đương đại.

2. MÔ HÌNH GIA ĐÌNH ĐA THẾ HỆ CÙNG CHUNG SỐNG THỜI THƯƠNG – CHU

Thời kỳ Thương (khoảng 1600 TCN - 1046 TCN) và Chu (khoảng 1046 TCN - 256 TCN) đánh dấu giai đoạn sơ khai của mô hình gia đình đa thế hệ cùng chung sống tại Trung Quốc. Sự phát triển của mô hình này gắn liền với hệ thống lễ nghi, chế độ tông pháp và nền kinh tế nông nghiệp, từ đó tạo tiền đề cho những biến đổi trong cấu trúc gia đình truyền thống.

2.1 Gia đình đa thế hệ thời Thương (khoảng 1600 TCN - 1046 TCN)

Thời Thương, gia tộc là đơn vị cơ bản của xã hội, trong đó mỗi gia đình lớn gồm nhiều thế hệ cùng chung sống. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đóng vai trò nền tảng, giúp củng cố

sự đoàn kết giữa các thành viên và duy trì trật tự tôn ti trong gia đình. Các hoạt động lễ nghi, đặc biệt là tế lễ tổ tiên, được tổ chức định kỳ nhằm duy trì quan hệ huyết thống và khẳng định quyền lực gia tộc. Điều này không chỉ tạo nên sự ổn định trong nội bộ gia đình mà còn góp phần vào sự bền vững của cấu trúc xã hội thời kỳ này.

Nền kinh tế thời Thương chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp sơ khai, trong đó gia đình đóng vai trò là đơn vị lao động cơ bản. Các thành viên cùng nhau lao động, chia sẻ nguồn lực như đất đai, công cụ và sản phẩm nông nghiệp, giúp giảm thiểu gánh nặng kinh tế và đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt. Mô hình gia đình đa thế hệ không chỉ duy trì nguồn lao động ổn định mà còn góp phần nâng cao năng suất sản xuất, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế và duy trì trật tự xã hội.

2.2 Gia đình đa thế hệ thời Chu (khoảng 1046 TCN - 256 TCN)

Thời Chu, hệ thống tông pháp được hoàn thiện với sự phân chia gia đình thành hai cấp: đại tông (dòng chính) và tiểu tông (dòng phụ). Trong đó, đại tông đóng vai trò lãnh đạo, chịu trách nhiệm quản lý việc thờ cúng tổ tiên và duy trì truyền thống gia tộc. Mỗi gia đình duy trì trật tự tôn ti rõ ràng, trong đó người đứng đầu gia tộc có quyền quyết định các vấn đề quan trọng, đảm bảo sự ổn định và phát triển của cả dòng họ. Hệ thống này không chỉ củng cố quyền lực gia tộc mà còn góp phần duy trì nền tảng xã hội thời Chu.

Trong xã hội thời Chu, gia đình không chỉ là đơn vị kinh tế mà còn giữ vai trò quan trọng trong hệ thống xã hội và chính trị. Thông qua lễ chế, gia đình đảm nhận chức năng quản lý nội bộ, duy trì kỷ cương và ổn định dòng tộc. Chế độ “chế lễ tác nhạc” do Chu Công đề xướng góp phần củng cố quyền lực gia tộc, giúp duy trì trật tự gia đình và xã hội. Điều này khẳng định tầm quan trọng của gia đình trong cấu trúc quyền lực thời kỳ này, tạo nền tảng cho sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội Chu.

2.3 Đặc điểm của gia đình đa thế hệ thời Thương – Chu

Gia đình đa thế hệ bao gồm ông bà, cha mẹ, con cái, anh em, chú bác, cô dì, cùng chung sống dưới một mái nhà hoặc trong cùng một khu vực, tạo thành một cộng đồng gắn kết. Đặc biệt, ở tầng lớp quý tộc, các gia đình thường sinh hoạt trong những khuôn viên gia tộc lớn, nơi nhiều thế hệ cùng chung sống nhằm duy trì quyền lực, bảo vệ truyền thống huyết thống và củng cố vị thế trong xã hội.

Gia đình thời cổ đại không chỉ là nơi sinh hoạt mà còn đóng vai trò trung tâm trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và tín ngưỡng. Về kinh tế, gia đình hoạt động như một đơn vị sản xuất, nơi các thành viên cùng chia sẻ công việc như canh tác nông nghiệp, thủ công nghiệp và chăn nuôi, đảm bảo nguồn sống ổn định. Trong lĩnh vực truyền thống và giáo dục, người lớn tuổi có vai trò quan trọng trong việc truyền dạy đạo đức, quy tắc gia đình và truyền thống tổ tiên cho thế hệ sau, góp phần duy trì trật tự xã hội. Đồng thời, tín ngưỡng và tế lễ tổ tiên được xem là nghĩa vụ thiêng liêng, giúp duy trì sự kết nối tâm linh giữa các thế hệ và củng cố sự gắn kết trong gia đình, đảm bảo tính bền vững của mô hình gia đình truyền thống.

Tư tưởng gia tộc thời Thương thể hiện rõ qua các tài liệu giáp cốt văn, trong đó nghi lễ tế tổ tiên có sự tham gia của nhiều thành viên hoàng tộc. Điều này phản ánh tầm quan trọng của gia tộc trong việc duy trì trật tự xã hội và sự gắn kết giữa các thế hệ. Đến thời Chu, chế độ tông pháp với hệ thống đại tông - tiểu tông được thiết lập, giúp duy trì sự ổn định trong gia đình, đảm bảo quyền thừa kế và trách nhiệm của các thành viên. Nhờ đó, gia tộc không chỉ là nền tảng

của đời sống cá nhân mà còn đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc xã hội và chính trị thời kỳ này.

2.4 Những yếu tố tác động đến gia đình đa thế hệ thời Thương – Chu

Gia đình thời cổ đại không chỉ là đơn vị sinh sống mà còn giữ vai trò quan trọng trong hệ thống xã hội và chính trị. Thông qua tông pháp, trật tự gia đình được thiết lập rõ ràng, giúp phân chia trách nhiệm giữa các thành viên, đảm bảo quyền thừa kế và duy trì quyền lực gia tộc. Bên cạnh đó, hệ thống lễ nghi được duy trì nhằm củng cố quan hệ huyết thống, khẳng định vị thế của gia đình trong cộng đồng, đồng thời góp phần ổn định trật tự xã hội.

Nền kinh tế thời Thương - Chu chủ yếu dựa vào nông nghiệp, điều này thúc đẩy các gia đình duy trì mô hình sống chung nhằm đảm bảo sản xuất ổn định. Hệ thống canh tác theo gia đình không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lao động mà còn giảm thiểu rủi ro mùa vụ thông qua sự hợp tác và phân chia công việc giữa các thế hệ. Mô hình này đảm bảo nguồn lực sản xuất bền vững, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế trong xã hội thời bấy giờ.

Thờ cúng tổ tiên đóng vai trò nền tảng trong đời sống tinh thần của người dân thời Thương - Chu, giúp gắn kết gia đình và củng cố quan hệ huyết thống. Các nghi lễ tế tổ tiên không chỉ mang ý nghĩa tín ngưỡng mà còn thể hiện sự tôn kính đối với cội nguồn, góp phần duy trì trật tự gia đình và xã hội. Bên cạnh đó, quan niệm trọng hiếu, trọng gia tộc trở thành giá trị đạo đức cốt lõi, ảnh hưởng sâu sắc đến cách tổ chức gia đình, đề cao trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với dòng tộc và cộng đồng.

2.5 Ví dụ tiêu biểu

Các văn bản giáp cốt cho thấy rằng các vị vua Thương thường tổ chức các nghi lễ tế tổ tiên với sự tham gia của các thành viên hoàng tộc. Những nghi lễ này không chỉ thể hiện lòng tôn kính với tổ tiên mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì trật tự gia đình và củng cố quyền lực hoàng gia. Thông qua các hoạt động tế lễ, sự gắn kết giữa các thế hệ trong gia tộc được tăng cường, đồng thời khẳng định vị thế lãnh đạo của hoàng tộc trong xã hội, giúp duy trì sự ổn định và phát triển của triều đại.

Các tài liệu lịch sử ghi nhận rằng hệ thống tông pháp thời Chu đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì trật tự kế thừa và ổn định gia tộc. Trong mô hình này, đại tông giữ trách nhiệm chính về tế lễ tổ tiên, quản lý tài sản gia tộc và duy trì truyền thống dòng họ. Trong khi đó, tiểu tông hỗ trợ đại tông trong các công việc phụ trợ, góp phần duy trì sự gắn kết và phân công trách nhiệm rõ ràng trong gia đình. Hệ thống này không chỉ củng cố quyền lực gia tộc mà còn giúp đảm bảo sự ổn định xã hội, thúc đẩy mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau giữa các thế hệ trong gia đình.

3. MÔ HÌNH GIA ĐÌNH ĐA THẾ HỆ CÙNG CHUNG SỐNG THỜI HÁN

3.1 Bối cảnh và sự phát triển của gia đình đa thế hệ thời Hán

Nhà Hán (206 TCN - 220 SCN) là thời kỳ mà mô hình gia đình đa thế hệ cùng chung sống phát triển mạnh mẽ và trở thành hình thức gia đình chủ đạo trong xã hội. Dưới ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, đạo hiếu và luân lý gia đình được đề cao, góp phần củng cố mô hình này.

Trong thời Hán, Nho giáo được xác lập là hệ tư tưởng chính thống của nhà nước, trong đó hiếu đạo được coi là chuẩn mực đạo đức quan trọng nhất để đánh giá con người. "Hiếu kinh" được phổ biến rộng rãi, nhấn mạnh quan điểm "Thân thể, tóc da do cha mẹ ban cho, không được hủy hoại", đề cao sự kính trọng và trách nhiệm chăm sóc cha mẹ.

Chính quyền thực hiện chế độ "hiếu liêm", trong đó những người nổi bật về lòng hiếu thảo sẽ được tiến cử vào các chức vụ quan trọng trong triều đình, nhằm thúc đẩy tinh thần hiếu đạo và duy trì trật tự xã hội.

Trong thời Hán, nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, trong đó gia đình đa thế hệ đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất. Mô hình này giúp hợp tác lao động, khi các thành viên cùng nhau canh tác, nâng cao năng suất và đảm bảo nguồn lương thực ổn định. Đồng thời, gia đình cũng chia sẻ nguồn lực, bao gồm đất đai, công cụ sản xuất và sản phẩm nông nghiệp, giúp giảm chi phí sinh hoạt và tăng khả năng chống chịu trước thiên tai hoặc biến động kinh tế. Hệ thống kinh tế dựa trên gia đình nhiều thế hệ không chỉ đảm bảo sự phát triển bền vững mà còn duy trì tính ổn định của xã hội thời Hán.

Trong thời Hán, luật pháp quy định rõ trách nhiệm của con cái trong việc phụng dưỡng cha mẹ, phản ánh sự ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo đối với hệ thống pháp luật. Nếu bất hiếu hoặc bỏ rơi cha mẹ, cá nhân đó sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc theo quy định của luật Hán. Bên cạnh đó, nhà nước cũng khuyến khích hiếu đạo thông qua chính sách khen thưởng, như phong tặng danh hiệu "hiếu liêm" cho những người có đạo đức hiếu thảo, đồng thời ưu tiên họ vào bộ máy quan lại. Những quy phạm này không chỉ duy trì trật tự xã hội mà còn củng cố mô hình gia đình đa thế hệ, trong đó các thế hệ sống chung và chăm sóc lẫn nhau theo nguyên tắc hiếu đạo.

3.2 Đặc điểm của gia đình đa thế hệ thời Hán

Gia đình thời Hán chủ yếu theo mô hình đa thế hệ, bao gồm ông bà, cha mẹ, con cái, anh chị em ruột, và đôi khi có cả họ hàng gần. Mô hình này phản ánh tư tưởng gia tộc gắn kết, nơi các thành viên cùng chung sống, hỗ trợ lẫn nhau trong sinh hoạt và lao động sản xuất. Điển hình là gia tộc của Hán Cao Tổ Lưu Bang, được ghi chép trong Sử ký. Gia đình của ông duy trì mô hình đại gia đình, trong đó nhiều thế hệ cùng chung sống nhằm bảo vệ quyền lợi gia tộc, củng cố địa vị chính trị và kinh tế, đồng thời tuân thủ đạo hiếu và nguyên tắc tôn ti trật tự trong gia đình.

Gia đình thời Hán không chỉ là một đơn vị sinh hoạt mà còn đóng vai trò quan trọng trong kinh tế, xã hội và phụng dưỡng. Về kinh tế, gia đình đa thế hệ tạo điều kiện hợp tác lao động, giúp giảm gánh nặng tài chính, đặc biệt là trong mùa vụ nông nghiệp cao điểm. Việc cùng canh tác, chia sẻ công cụ và sản phẩm nông nghiệp giúp tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo sinh kế ổn định. Bên cạnh đó, gia đình không chỉ là đơn vị sản xuất mà còn là môi trường giáo dục đạo đức và truyền thống, nơi người lớn tuổi truyền dạy đạo hiếu, lễ nghi, góp phần duy trì hệ thống tông pháp và trật tự xã hội. Ngoài ra, việc chăm sóc và tôn trọng người lớn tuổi là một nghĩa vụ thiêng liêng, được coi trọng trong xã hội Hán. Các bậc cha mẹ, ông bà được con cháu phụng dưỡng, đảm bảo đời sống an sinh và duy trì sự gắn kết giữa các thế hệ, từ đó củng cố mối quan hệ gia đình và duy trì sự ổn định xã hội.

Trong gia đình thời Hán, gia trưởng (thường là ông hoặc cha) nắm quyền quyết định, đóng vai trò duy trì trật tự tôn ti và quản lý các vấn đề quan trọng trong gia tộc. Chế độ tông pháp không chỉ giúp duy trì quyền lực gia đình, mà còn đảm bảo việc truyền thừa tài sản, danh vọng và trách nhiệm qua các thế hệ. Người lớn tuổi trong gia đình không chỉ có quyền điều hành mà còn chịu trách nhiệm tổ chức các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, giữ gìn nề nếp gia phong và giáo dục con cháu theo chuẩn mực đạo đức Nho giáo. Điều này giúp

gia đình duy trì sự ổn định, gắn kết giữa các thế hệ và củng cố địa vị của gia tộc trong xã hội.

3.3 Ưu điểm của gia đình đa thế hệ thời Hán

Việc sống chung nhiều thế hệ giúp các thành viên gắn kết chặt chẽ, tạo nên mạng lưới quan hệ xã hội bền vững. Trong gia đình truyền thống, mỗi thành viên đều có vai trò riêng, hỗ trợ lẫn nhau trong đời sống hàng ngày. Ví dụ, vào mùa vụ, người già đảm nhận vai trò giám sát và hướng dẫn, người trẻ trực tiếp tham gia lao động, trong khi trẻ em giúp đỡ các công việc nhẹ. Mô hình phân công này không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu suất lao động, mà còn tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính gắn kết trong gia đình.

Hiếu đạo là trọng tâm của luân lý xã hội thời Hán, được duy trì và truyền dạy qua mô hình gia đình nhiều thế hệ. Trong gia đình truyền thống, con cháu có trách nhiệm chăm sóc, kính trọng và phụng dưỡng cha mẹ, ông bà, coi đó là chuẩn mực đạo đức quan trọng nhất. Ví dụ, trong tác phẩm "Nhị thập tứ hiếu", có câu chuyện "Ngọa băng cầu lý", kể về Vương Tường, người vì hiếu thảo mà sẵn sàng nằm trên băng lạnh để bắt cá làm thức ăn cho mẹ kẻ. Những câu chuyện như vậy không chỉ phản ánh giá trị hiếu đạo thời bấy giờ, mà còn góp phần củng cố truyền thống tôn kính tổ tiên và người lớn tuổi trong gia đình, từ đó duy trì trật tự và ổn định xã hội.

Mô hình gia đình lớn trong xã hội nông nghiệp giúp tiết kiệm chi phí sinh hoạt thông qua việc chia sẻ đất đai, gia súc, công cụ lao động và các nguồn tài nguyên khác. Các thành viên trong gia đình cùng hợp tác lao động, phân chia công việc theo độ tuổi và sức khỏe, từ đó tăng năng suất sản xuất nông nghiệp và đảm bảo sinh kế bền vững. Nhờ có nhiều thế hệ cùng chung sống, việc trông trọt, chăn nuôi và thu hoạch được tổ chức một cách hiệu quả, giảm thiểu rủi ro do thiên tai hoặc mất mùa. Hệ thống gia đình này không chỉ giúp củng cố kinh tế gia đình, mà còn đóng vai trò quan trọng trong ổn định xã hội nông nghiệp thời Hán.

3.4 Thách thức và hạn chế

Mặc dù gia đình đa thế hệ mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng tồn tại không ít mâu thuẫn nội bộ. Sự xung đột giữa các thế hệ là một trong những vấn đề phổ biến, khi tư tưởng bảo thủ của người già không còn phù hợp với suy nghĩ đổi mới của thế hệ trẻ, dễ dẫn đến tranh chấp trong cách quản lý gia đình và định hướng phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, vẫn đề phân chia tài sản cũng gây ra nhiều bất đồng, đặc biệt trong bối cảnh đất đai có hạn, khiến việc chia đều cho các thành viên trở nên khó khăn. Cuối thời Hán, tình trạng địa chủ chiếm đoạt ruộng đất làm nhiều gia đình nhỏ không còn đất canh tác, dẫn đến sự ly tán và làm suy yếu mô hình gia đình truyền thống. Ngoài ra, mặc dù hiếu đạo được đề cao trong xã hội, nhưng trong nhiều trường hợp, việc phụng dưỡng cha mẹ chỉ mang tính hình thức do áp lực từ pháp luật và quy phạm xã hội, chứ không xuất phát từ lòng thành thực sự của con cái. Những thách thức này cho thấy, dù mô hình gia đình đa thế hệ có ý nghĩa quan trọng trong xã hội truyền thống, nhưng nó cũng phải đối mặt với nhiều hạn chế, đặc biệt là khi xã hội có những biến đổi lớn.

3.5 Trường hợp điển hình

Trường hợp điển hình về gia đình đa thế hệ trong lịch sử Trung Quốc có thể thấy qua gia tộc của Hán Thừa tướng Hoắc Quang và hậu duệ của Khổng Tử. Hoắc Quang, quyền thần thời Hán Tuyên Đế, là người đứng đầu một gia đình nhiều thế hệ cùng chung sống, không chỉ quản lý gia tộc mà còn truyền dạy con cháu, đảm bảo sự phát triển bền vững về chính trị và kinh tế. Tương tự, hậu duệ của Khổng Tử duy

trì mô hình gia đình đa thế hệ qua nhiều thế hệ, góp phần bảo tồn văn hóa và giáo dục đạo đức. Gia tộc Khổng Tử trở thành hình mẫu lý tưởng trong xã hội Hán, kết hợp hài hòa giữa sinh hoạt gia đình và việc truyền bá tư tưởng Nho giáo.

4. MÔ HÌNH GIA ĐÌNH ĐA THẾ HỆ CÙNG CHUNG SỐNG THỜI ĐƯỜNG - TỐNG

4.1 Bối cảnh và sự phát triển của gia đình đa thế hệ thời Đường - Tống

Triều đại Đường (618-907) và Tống (960-1279) là giai đoạn quan trọng trong sự phát triển của tư tưởng Nho giáo, đồng thời đánh dấu sự tiếp nối và củng cố mô hình gia đình đa thế hệ cùng chung sống. Trong bối cảnh này, gia đình không chỉ đóng vai trò là một đơn vị sinh hoạt mà còn là nền tảng của xã hội, quản trị địa phương và bảo tồn văn hóa truyền thống.

Trong thời Đường và Tống, Nho giáo tiếp tục phát triển, hấp thụ ảnh hưởng từ Phật giáo và Đạo giáo, không chỉ nhân mạnh trách nhiệm gia đình mà còn đề cao sự tu dưỡng cá nhân. Hiếu đạo, lòng trung thành và sự hòa hợp trong gia đình trở thành những giá trị cốt lõi, trong đó gia đình được coi là nền tảng đảm bảo sự ổn định của xã hội. Về mặt kinh tế, mô hình gia đình nhiều thế hệ phát huy hiệu quả trong nông nghiệp thời Đường, giúp tăng năng suất lao động nhờ sự hợp tác giữa các thành viên. Đến thời Tống, thương mại và thủ công nghiệp phát triển mạnh, các xưởng thủ công gia đình và cửa hàng kinh doanh theo mô hình gia đình đa thế hệ giúp tối ưu hóa nguồn nhân lực và giảm gánh nặng tài chính. Bên cạnh đó, luật pháp thời Đường và Tống quy định rõ trách nhiệm của con cháu trong việc phụng dưỡng cha mẹ, những hành vi vi phạm hiếu đạo sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Nhà nước cũng sử dụng hệ thống gia đình như một công cụ quản trị xã hội, trong đó các bậc trưởng bối có trách nhiệm duy trì trật tự gia tộc, góp phần ổn định nền tảng đạo đức và xã hội.

4.2 Cấu trúc gia đình

Trong thời kỳ Đường - Tống, gia đình có quy mô lớn, thường từ ba đến năm thế hệ cùng chung sống, bao gồm cả họ hàng bên nội và bên ngoại như anh em họ, chú bác, cháu chắt. Gia đình không chỉ là nơi sinh hoạt mà còn đóng vai trò quan trọng trong kinh tế, giáo dục và quản lý xã hội. Về kinh tế, các thành viên hợp tác trong nông nghiệp, thủ công nghiệp hoặc thương mại, giúp tối ưu hóa tài nguyên và giảm chi phí. Trong giáo dục, người lớn tuổi truyền dạy Nho giáo, đạo đức và quy tắc xã hội, đảm bảo sự kế thừa văn hóa gia đình. Gia đình cũng là đơn vị quản trị địa phương, góp phần duy trì trật tự trong cộng đồng.

Quyền lực trong gia đình có sự phân cấp chặt chẽ, trong đó người cha hoặc ông nắm quyền quyết định. Phụ nữ, đặc biệt là mẹ và bà, đảm nhận vai trò quản lý gia đình và giáo dục con cái, nhất là trong thời Tống, khi đạo đức gia đình được nhấn mạnh. Hệ thống gia phả, gia huấn, gia quy được thiết lập nhằm kiểm soát và hướng dẫn hành vi các thành viên trong gia đình. Ví dụ, "Gia huấn Chu Tử" của Chu Hy nhấn mạnh sự kính trọng giữa các thế hệ, trách nhiệm với gia tộc và xã hội, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống gia đình trong thời kỳ này.

4.3 Lợi ích của gia đình đa thế hệ thời Đường - Tống

Gia đình đa thế hệ thời Đường - Tống mang lại nhiều lợi ích, đặc biệt trong bảo tồn văn hóa, hợp tác kinh tế và duy trì ổn định xã hội. Trước hết, người lớn tuổi đóng vai trò truyền dạy luân lý Nho giáo, lễ nghi và gia phong, giúp thế hệ trẻ hiểu rõ về đạo đức truyền thống. Lễ tế tổ tiên là một ví dụ tiêu biểu, nơi con cháu không chỉ học về lịch sử gia đình mà còn được giáo dục về hiếu đạo và trách nhiệm.

Về kinh tế, gia đình nhiều thế hệ cùng chung sống giúp chia sẻ đất đai, công cụ sản xuất và tài nguyên thương mại, giảm áp lực tài chính cho từng cá nhân. Trong các xưởng thủ công thời Tống, người lớn thường quản lý tài chính, thanh niên phụ trách sản xuất, trong khi trẻ em học nghề từ nhỏ, tạo nên hệ thống lao động gắn kết, tối ưu hóa nguồn lực.

Ngoài ra, mô hình gia đình lớn cũng góp phần tăng cường ổn định xã hội. Các trường bối trong gia đình có vai trò giải quyết xung đột nội bộ, hạn chế tranh chấp và duy trì trật tự trong cộng đồng. Chính quyền thời Tống thường thông qua gia tộc trưởng để quản lý làng xã, giúp bộ máy chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả hơn, củng cố nền tảng ổn định xã hội.

4.4 Hạn chế và thách thức của gia đình đa thế hệ thời Đường - Tống

Mô hình gia đình đa thế hệ thời Đường - Tống tuy có nhiều lợi ích nhưng cũng gặp không ít thách thức. Xung đột giữa các thế hệ là một vấn đề lớn, khi tư tưởng bảo thủ của người già không phù hợp với mong muốn đổi mới của giới trẻ. Ví dụ, thời Tống, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thương mại khiến nhiều thanh niên muốn rời gia đình lập nghiệp riêng, gây ra mâu thuẫn với cha mẹ, những người vẫn theo quan niệm truyền thống về gia đình gắn kết.

Bên cạnh đó, gánh nặng kinh tế cũng trở thành một vấn đề nan giải. Khi quy mô gia đình mở rộng, chi phí sinh hoạt và nhu cầu tài nguyên gia tăng, trong khi đất đai ngày càng bị thu hẹp do sự tập trung ruộng đất vào tay địa chủ. Điều này khiến nhiều gia đình phải đối mặt với áp lực tài chính lớn hơn.

Ngoài ra, dù hiếu đạo được tôn vinh, nhưng trong một số trường hợp, luật pháp thời Đường - Tống đã áp đặt trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ, khiến việc hiếu thảo trở thành nghĩa vụ cưỡng ép hơn là xuất phát từ lòng tự nguyện. Điều này có thể dẫn đến sự hình thức hóa hiếu đạo, khi con cái thực hiện nghĩa vụ một cách miễn cưỡng, không thực sự xuất phát từ lòng kính trọng cha mẹ.

4.5 Trường hợp điển hình của gia đình đa thế hệ thời Đường - Tống

Mô hình gia đình đa thế hệ được duy trì trong cả hoàng tộc và dòng dõi quan lại, phản ánh sự gắn kết gia đình và tư tưởng Nho giáo trong xã hội thời bấy giờ.

Gia đình hoàng tộc thời Đường là một ví dụ điển hình. Theo "Trường An chí", các thành viên trong hoàng tộc nhà Đường như vua, hoàng hậu, thái tử, các hoàng tử và công chúa thường sống chung trong hoàng cung, hình thành một gia đình lớn nhiều thế hệ. Mô hình này giúp củng cố quyền lực hoàng gia, duy trì sự kế thừa ngai vàng và bảo đảm sự gắn kết giữa các thành viên trong hoàng tộc.

Đến thời Tống, gia huấn và gia quy trở nên phổ biến, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì nề nếp gia phong và giáo dục thế hệ sau. Điển hình là gia đình Phạm Trọng Yêm, một danh thần thời Tống. Trong gia đình ông, con cháu được dạy đọc sách thánh hiền, giữ gìn gia phong và kính trọng cha mẹ. Bên cạnh đó, học giả Chu Hy cũng biên soạn gia huấn, nhấn mạnh trách nhiệm của con cháu đối với gia đình và xã hội, góp phần duy trì tư tưởng Nho giáo trong đời sống gia đình.

5. MÔ HÌNH GIA ĐÌNH ĐA THẾ HỆ CÙNG CHUNG SỐNG THỜI MINH

5.1 Bối cảnh xã hội và sự phổ biến của gia đình đa thế hệ thời Minh

Triều đại Minh (1368-1644) là thời kỳ mà hệ thống tông pháp, kinh tế nông nghiệp và tư tưởng Nho giáo có ảnh

hưởng sâu sắc đến cấu trúc gia đình. Trong bối cảnh này, gia đình được xem là đơn vị trung tâm của xã hội, nơi vừa thực hiện chức năng kinh tế, vừa duy trì ổn định đạo đức và trật tự xã hội. Mô hình gia đình đa thế hệ không chỉ phổ biến mà còn trở thành chuẩn mực xã hội được nhà nước khuyến khích.

Thời Minh, chế độ tông pháp đóng vai trò trung tâm trong quản trị xã hội, phản ánh tư tưởng Nho giáo. Nhà Minh tôn sùng mô hình gia đình đa thế hệ, trong đó gia trưởng có quyền quyết định các vấn đề quan trọng, duy trì trật tự xã hội thông qua hệ thống tông pháp.

Về kinh tế, nền tảng sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp, khiến gia đình nhiều thế hệ trở thành một mô hình lý tưởng để hợp tác sản xuất, chia sẻ lao động, giảm thiểu rủi ro mùa vụ. Ngoài ra, sự phát triển của thủ công nghiệp và thương mại thúc đẩy các xưởng thủ công gia đình và cửa hàng kinh doanh, nơi các thành viên cùng làm việc, tối ưu hóa tài nguyên và nâng cao thu nhập.

Nhà Minh cũng ban hành luật pháp và quy phạm xã hội để củng cố mô hình gia đình đa thế hệ. "Đại Minh luật" quy định con cái có nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ, nếu vi phạm có thể bị xử phạt hoặc chịu án hình sự. Các quy tắc này giúp duy trì hiếu đạo, đảm bảo sự ổn định và tiếp nối của gia đình truyền thống.

5.2 Đặc điểm của gia đình đa thế hệ thời Minh

Gia đình thời Minh thường có quy mô lớn, gồm bốn đến năm thế hệ cùng chung sống, bao gồm ông bà, cha mẹ, con cái và họ hàng như chú bác, cô dì. Các gia đình lớn sinh sống trong khu nhà rộng hoặc thôn làng, giúp củng cố mối quan hệ huyết thống và tăng cường sự đoàn kết.

Về chức năng, gia đình đa thế hệ đảm nhận nhiều vai trò: Kinh tế: Các thành viên hợp tác trong nông nghiệp, quản lý thương mại hoặc xưởng thủ công, đảm bảo tài chính ổn định.

Giáo dục: Người lớn tuổi truyền dạy Nho giáo và gia phong, giúp thế hệ sau duy trì truyền thống.

Xã hội: Gia đình là trung tâm của các quyết định cộng đồng, với trưởng bối giữ vai trò hòa giải tranh chấp.

Về quyền lực, gia đình tuân theo hệ thống tông pháp nghiêm ngặt, với gia trưởng (ông hoặc cha) có quyền tối cao, chịu trách nhiệm quản lý tài sản và duy trì trật tự gia tộc. Sự phân biệt vai trò nam nữ vẫn được duy trì, trong đó nam giới nắm quyền quyết định chính, còn phụ nữ chủ yếu đảm nhiệm công việc nội trợ.

Ngoài ra, gia đình còn gắn kết chặt chẽ với dòng tộc, với nhà thờ tổ (từ đường) là nơi thực hiện cúng tế tổ tiên và giải quyết các tranh chấp nội bộ, khẳng định vai trò quan trọng của gia đình trong xã hội thời Minh.

5.3 Lợi ích của mô hình gia đình đa thế hệ thời Minh

Mô hình gia đình đa thế hệ thời Minh mang lại nhiều lợi ích, từ kinh tế, giáo dục, xã hội đến tín ngưỡng và bản sắc dòng tộc.

Về kinh tế, các thành viên trong gia đình chia sẻ đất đai, công cụ nông nghiệp, tài nguyên thương mại, giúp giảm chi phí sinh hoạt. Sự phân công lao động rõ ràng – ông bà giám sát, cha mẹ lao động chính, con cái phụ giúp việc nhẹ – đảm bảo hiệu suất làm việc cao.

Về giáo dục, gia đình là nơi truyền dạy giá trị đạo đức Nho giáo, nhấn mạnh hiếu thảo, trung tín, hòa thuận giữa anh em. Gia huấn là tài liệu quan trọng được các gia đình ghi chép để răn dạy con cháu và duy trì gia phong, như được ghi lại trong Minh sử.

Về xã hội, gia đình đóng vai trò ổn định xã hội và quản lý địa phương. Chính quyền dựa vào trưởng bối trong gia tộc

để thực thi chính sách và hòa giải tranh chấp, giúp duy trì trật tự xã hội.

Ngoài ra, gia đình còn củng cố tín ngưỡng tổ tiên và bản sắc dòng tộc. Các nghi lễ cúng tổ tiên vào dịp Tết Nguyên Đán, Thanh Minh giúp gắn kết các thế hệ, khẳng định tầm quan trọng của gia đình trong đời sống tinh thần và văn hóa.

5.4 Thách thức và hạn chế của mô hình gia đình đa thế hệ thời Minh

Mô hình gia đình đa thế hệ thời Minh không chỉ mang lại lợi ích mà còn tồn tại nhiều thách thức, đặc biệt là xung đột thế hệ, áp lực tài chính và hạn chế vai trò của phụ nữ.

Về mâu thuẫn thế hệ, tư tưởng bảo thủ của người già thường mâu thuẫn với mong muốn đổi mới của giới trẻ. Khi thương mại phát triển, nhiều thanh niên muốn rời bỏ gia đình để lập nghiệp, dẫn đến tranh cãi với gia đình về nghĩa vụ và truyền thống.

Về áp lực tài chính, gia đình đông thành viên khiến gánh nặng kinh tế tăng cao, đặc biệt khi nguồn tài nguyên đất đai bị giới hạn. Điều này dẫn đến sự cạnh tranh giữa các thành viên về quyền thừa kế và phân chia tài sản.

Về vai trò của phụ nữ, nữ giới chủ yếu giới hạn trong nội trợ, không có quyền quyết định về kinh tế và gia sản. Các bé gái thường bị hạn chế quyền được giáo dục, và hôn nhân của họ thường bị sắp đặt theo ý định của gia đình thay vì lựa chọn cá nhân. Những hạn chế này phản ánh sự bất bình đẳng giới trong xã hội phong kiến, dù gia đình vẫn là nền tảng của sự ổn định xã hội.

5.5 Trường hợp điển hình về gia đình đa thế hệ thời Minh

Mô hình gia đình đa thế hệ thời Minh được thể hiện rõ qua gia tộc của Trương Cư Chính và hệ thống gia huấn, gia quy phổ biến trong xã hội.

Gia tộc của Trương Cư Chính – một trong những chính trị gia quan trọng nhất triều Minh – được tổ chức theo mô hình tông pháp chặt chẽ. Ông thiết lập gia quy nghiêm ngặt, yêu cầu con cháu tuân thủ truyền thống, duy trì kỷ cương để bảo vệ địa vị chính trị và kinh tế của gia tộc. Gia đình ông là một điển hình về sự kết hợp giữa quyền lực chính trị và nền tảng gia đình trong chế độ phong kiến.

Bên cạnh đó, thời Minh xuất hiện nhiều tài liệu gia huấn và gia quy nhằm duy trì đạo đức và kỷ cương gia đình. "Nghiêm thị gia huấn" nhấn mạnh hiếu thảo, hòa thuận, chăm chỉ học hành, coi gia đình là nền tảng của xã hội. "Gia huấn Chu Tử" của Chu Hy cũng được lưu truyền rộng rãi, đề cao trách nhiệm của con cái với cha mẹ và nghĩa vụ đối với gia tộc, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống gia đình truyền thống.

6. MÔ HÌNH GIA ĐÌNH ĐA THẾ HỆ CÙNG CHUNG SỐNG THỜI THANH

6.1 Bối cảnh xã hội và sự phổ biến của gia đình đa thế hệ thời Thanh

Triều đại Thanh (1644-1912) là giai đoạn cuối cùng của chế độ phong kiến Trung Quốc, trong đó mô hình gia đình đa thế hệ vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa. Dưới sự chi phối mạnh mẽ của Nho giáo, gia đình không chỉ là đơn vị sinh hoạt mà còn là nền tảng ổn định xã hội.

Dưới triều đại nhà Thanh, Nho giáo tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, đặc biệt nhấn mạnh hiếu đạo và luân lý gia đình. Các kinh điển như "Hiếu kinh", "Tứ thư" và "Gia huấn Chu Tử" trở thành tài liệu giáo dục quan trọng, định hướng chuẩn mực đạo đức trong gia đình. Gia đình đa thế hệ vẫn được coi là mô hình lý tưởng, giúp củng cố nền tảng kinh tế nông nghiệp và duy trì trật tự xã hội. Các thành viên trong

gia đình chia sẻ công việc đồng áng, chăn nuôi và sản xuất thủ công, đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sản xuất.

Ngoài ra, luật pháp thời Thanh cũng có những quy định rõ ràng về trách nhiệm hiếu thảo của con cái. "Thanh luật" quy định rằng nếu con cái không phụng dưỡng cha mẹ, chúng có thể bị xử phạt nghiêm khắc. Nhà nước còn khuyến khích mô hình gia đình nhiều thế hệ, coi đó là nền tảng quan trọng để duy trì sự ổn định trong xã hội và tăng cường kiểm soát địa phương thông qua các tộc trưởng.

6.2 Đặc điểm của gia đình đa thế hệ thời Thanh

Gia đình đa thế hệ thời Thanh thường có bốn đến năm thế hệ cùng chung sống, bao gồm cả họ hàng bên nội và bên ngoại, đặc biệt phổ biến ở các làng quê. Các gia đình trong cùng một gia tộc thường sinh sống gần nhau, tạo thành những cụm gia tộc giúp đỡ nhau trong sản xuất nông nghiệp và đời sống sinh hoạt.

Về chức năng, gia đình thời Thanh đóng vai trò đơn vị kinh tế, trong đó các thành viên hợp tác canh tác, buôn bán hoặc vận chuyển hàng hóa. Ngoài ra, gia đình cũng cung cấp sự hỗ trợ tinh cảm, đảm nhận trách nhiệm chăm sóc trẻ nhỏ và người lớn tuổi. Gia đình còn có chức năng xã hội, với những người lớn tuổi đóng vai trò trọng tài trong các tranh chấp nội bộ, giúp duy trì trật tự địa phương.

Tông pháp là nền tảng tổ chức gia đình, nơi trưởng tộc có quyền quyết định các vấn đề quan trọng và duy trì trật tự tôn ti. Hiếu đạo không chỉ được thực hiện trong cuộc sống hàng ngày mà còn được củng cố qua các lễ cúng tổ tiên, giúp gắn kết gia đình. Để bảo tồn các giá trị này, nhiều gia đình biên soạn gia huấn, gia quy để giáo dục con cháu về đạo đức và nghĩa vụ gia đình. Một ví dụ tiêu biểu là "Gia huấn của Tăng Quốc Phiên", trong đó nhấn mạnh hiếu thảo, học vấn và trách nhiệm với gia tộc, phản ánh tư tưởng truyền thống sâu sắc của xã hội thời Thanh.

6.3 Lợi ích của mô hình gia đình đa thế hệ thời Thanh

Mô hình gia đình đa thế hệ thời Thanh mang lại nhiều lợi ích kinh tế, văn hóa và xã hội, giúp duy trì sự ổn định trong cộng đồng.

Về kinh tế, các thành viên trong gia đình có thể chia sẻ tài nguyên sản xuất, giảm chi phí sinh hoạt và hợp tác lao động hiệu quả. Ví dụ, trong một gia đình nông dân, ông bà quản lý gia đình, cha mẹ làm nông, con cái hỗ trợ công việc nhẹ, tạo nên sự phân công lao động hợp lý, nâng cao năng suất sản xuất.

Gia đình đa thế hệ cũng giúp duy trì văn hóa và giáo dục đạo đức, khi người lớn tuổi truyền dạy giá trị Nho giáo, gia phong và phong tục truyền thống cho thế hệ sau. Các lễ cúng tổ tiên là cơ hội để con cháu hiểu về lịch sử gia đình và củng cố sự gắn kết giữa các thế hệ.

Về mặt xã hội, gia đình có vai trò giữ gìn trật tự địa phương, giúp chính quyền giảm thiểu xung đột. Quan lại thường dựa vào trưởng bối gia đình để hỗ trợ thi hành pháp luật và điều tiết tranh chấp, từ đó tăng cường sự ổn định trong cộng đồng.

Cuối cùng, mô hình này mang lại hỗ trợ tinh cảm và bảo đảm an sinh, khi các thành viên dựa vào nhau về tài chính và chăm sóc người già, trẻ nhỏ. Việc người già sống cùng con cháu giúp họ giảm bớt cô đơn và đảm bảo được chăm sóc khi về già, tạo nên sự an toàn và gắn kết trong gia đình.

6.4 Hạn chế và thách thức của mô hình gia đình đa thế hệ thời Thanh

Mặc dù mang lại nhiều lợi ích, mô hình gia đình đa thế hệ thời Thanh cũng tồn tại nhiều thách thức và hạn chế, chủ yếu liên quan đến xung đột thế hệ, áp lực tài chính và vai trò của phụ nữ.

Một trong những thách thức lớn là xung đột thế hệ, khi sự khác biệt trong tư tưởng và lối sống giữa người già và người trẻ dẫn đến mâu thuẫn. Ví dụ, thanh niên thường muốn thoát khỏi những quy tắc gia đình nghiêm ngặt để theo đuổi sự nghiệp riêng, trong khi người lớn tuổi giữ quan điểm bảo thủ về truyền thống gia đình.

Bên cạnh đó, áp lực tài chính cũng là vấn đề đáng lo ngại. Khi một gia đình có quá nhiều thành viên, tài nguyên đất đai và tài chính bị hạn chế, gây ra căng thẳng nội bộ. Ví dụ, nếu một gia đình có nhiều con trai, việc chia đất đai có thể dẫn đến tranh chấp, làm giảm hiệu quả kinh tế và phân tán tài nguyên.

Một vấn đề khác là hạn chế vai trò của phụ nữ trong gia đình. Phụ nữ ít có quyền quyết định, chủ yếu đảm nhận vai trò nội trợ, không được tham gia vào các quyết sách quan trọng. Ví dụ, phụ nữ không có quyền thừa kế đất đai, phải tuân theo sự sắp đặt hôn nhân của cha mẹ, khiến họ phụ thuộc nhiều vào gia đình chồng và mất đi sự tự chủ trong cuộc sống.

Nhìn chung, những hạn chế này đã tạo ra những thách thức lớn đối với sự phát triển của mô hình gia đình đa thế hệ, đặc biệt trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi vào cuối thời Thanh.

6.5 Trường hợp điển hình về gia đình đa thế hệ thời Thanh

Mô hình gia đình đa thế hệ thời Thanh được thể hiện rõ qua những gia tộc tiêu biểu và văn hóa từ đường, nơi thể hiện sự duy trì truyền thống, hiếu đạo và sự gắn kết gia tộc.

Gia tộc của Tăng Quốc Phiên là một ví dụ điển hình. Là một quan đại thần nổi tiếng thời Thanh, Tăng Quốc Phiên không chỉ xây dựng gia đình theo mô hình đa thế hệ nghiêm ngặt mà còn để lại nhiều tư tưởng giáo dục con cháu. Ông đã biên soạn “Gia thư của Tăng Quốc Phiên”, trong đó dạy con cháu về trách nhiệm với gia đình, chăm chỉ học hành và tuân thủ hiếu đạo. Những tư tưởng này giúp gia tộc Tăng duy trì được nền nếp gia phong và sự ổn định lâu dài.

Bên cạnh đó, văn hóa từ đường cũng đóng vai trò quan trọng trong tổ chức gia tộc. Từ đường không chỉ là nơi thờ cúng tổ tiên mà còn là trung tâm sinh hoạt chung của dòng họ. Ví dụ, vào những dịp quan trọng như Tết Nguyên Đán hoặc Lễ Thanh Minh, cả gia đình thường tụ họp tại từ đường, thực hiện nghi lễ cúng tổ tiên để thể hiện lòng thành kính và củng cố mối quan hệ gia tộc.

Những truyền thống này không chỉ giúp duy trì sự gắn kết giữa các thế hệ trong gia đình mà còn phản ánh vai trò của gia đình đa thế hệ trong việc bảo tồn văn hóa và đạo đức Nho giáo thời Thanh.

7. KẾT LUẬN

Mô hình gia đình đa thế hệ cùng chung sống đóng vai trò then chốt trong cấu trúc xã hội truyền thống Trung Quốc, từ thời Thương – Chu đến thời Thanh. Được duy trì bởi nền kinh tế nông nghiệp, hệ thống tông pháp và tư tưởng Nho giáo, mô hình này không chỉ bảo đảm sự ổn định kinh tế và chính trị, mà còn đóng vai trò trung tâm trong việc truyền

dạy đạo đức, bảo tồn văn hóa và duy trì trật tự xã hội. Gia đình truyền thống vừa là đơn vị sinh hoạt, vừa là không gian sản xuất, giáo dục, tín ngưỡng và hòa giải, thể hiện rõ đặc tính tổng hợp và linh hoạt của cấu trúc xã hội cổ đại Trung Hoa.

Tuy nhiên, mô hình này cũng phải đối mặt với nhiều thách thức nội tại như xung đột thế hệ, áp lực tài chính và sự bất bình đẳng giới – đặc biệt trong bối cảnh biến đổi kinh tế, xã hội vào cuối thời phong kiến. Những giới hạn này đặt ra nhu cầu phân tư và điều chỉnh nếu muốn vận dụng lại những giá trị truyền thống vào xã hội hiện đại.

Trong bối cảnh Trung Quốc và nhiều quốc gia châu Á đang bước vào thời kỳ già hóa dân số, đô thị hóa nhanh chóng và chuyển dịch mô hình gia đình, việc tái khám phá các giá trị tích cực của mô hình gia đình đa thế hệ truyền thống là một hướng nghiên cứu giàu tiềm năng. Các yếu tố như hiếu đạo, hỗ trợ liên thế hệ, chia sẻ lao động và chăm sóc người già có thể góp phần hình thành chính sách an sinh xã hội bền vững, thiết kế nhà ở đô thị linh hoạt và tăng cường gắn kết gia đình. Mặt khác, so sánh với các mô hình gia đình tại Nhật Bản, Việt Nam, Ấn Độ và các quốc gia phương Tây cho thấy mô hình đa thế hệ là một cấu trúc xã hội mang tính địa phương hóa cao, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ hệ tư tưởng và điều kiện kinh tế – văn hóa đặc thù.

Do đó, nghiên cứu về mô hình gia đình đa thế hệ không chỉ giúp làm sáng tỏ cấu trúc quyền lực, tổ chức xã hội và luân lý truyền thống trong lịch sử Trung Quốc, mà còn mở ra các gợi ý quan trọng cho việc thiết kế các chính sách gia đình và nghiên cứu xã hội học đương đại. Việc kết nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa địa phương và toàn cầu, giữa cấu trúc và con người – chính là điểm nhấn then chốt để tiếp cận mô hình gia đình đa thế hệ một cách toàn diện và có chiều sâu trong nghiên cứu học thuật.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Zhao Dingxin: Nền tảng thể chế của xã hội Trung Quốc, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, 2015.
赵鼎新:《中国社会的制度基础》, 北京大学出版社, 2015年。
- [2]. Qu Tongzu: Pháp luật Trung Quốc và xã hội Trung Quốc, Nhà xuất bản Trung Hoa, 2003.
瞿同祖:《中国法律与中国社会》, 中华书局, 2003年。
- [3]. Fei Xiaotong: Nông thôn Trung Quốc, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, 2012.
费孝通:《乡土中国》, 北京大学出版社, 2012年。
- [4]. Feng Er kang: Tổ chức gia đình Trung Quốc cổ đại và sự biến chuyển của nó, Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải, 2010.
冯尔康:《中国古代家族组织及其变迁》, 上海人民出版社, 2010年。
- [5]. Bai Shouyi (Chủ biên): Lịch sử tổng quát Trung Quốc, Tập 5, Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải, 2003.
白寿彝(主编):《中国通史》第五卷, 上海人民出版社, 2003年。
- [6]. Yang Guoan: Xã hội tông tộc và văn hóa Trung Quốc, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2016.
杨国安:《宗族社会与中国文化》, 社会科学文献出版社, 2016年。